

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2021
V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lý Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lăng Văn Thủy

Ông Vũ Như Cường

Thư ký phiên toà: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Bàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị C, sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Ma Văn H, sinh năm 1973

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Ma Thị C trình bày: Chị và anh Ma Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Ngay từ khi chung sống với nhau giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm, lối sống. Chị đã cố gắng tìm hiểu tâm tư và tâm sự với anh H để hiểu nhau nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, chị và anh H ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị xác

định không còn tình cảm với anh H nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Ma Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là Ma Thị Thúy K, sinh ngày 28/3/1997 và Ma Thị Thúy V, sinh ngày 26/6/2001. Các con đều khỏe mạnh phát triển bình thường và đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và vay nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án anh Ma Văn H trình bày: Anh và chị Ma Thị C chung sống với nhau từ tháng 01 năm 1997, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Từ năm 1997 đến năm 2002 anh và chị C chung sống tại xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đến năm 2003 thì chuyển đến sinh sống tại thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống với nhau giữa hai người thường cãi vã, chửi mắng nhau bất đồng về quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2016 chị C bỏ nhà đi làm công nhân và chúng tôi sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị C, anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh và chị C có hai con chung là Ma Thị Thúy K, sinh ngày 28/3/1997 và Ma Thị Thúy V, sinh ngày 26/6/2001. Các con đều khỏe mạnh phát triển bình thường và đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh và chị C không có tài sản chung và vay nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổ chức về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xác minh tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và tại xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Ma Thị C và anh Ma Văn H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về việc không công nhận quan hệ vợ chồng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 8 Điều 28 và Điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị C và anh H chung sống với nhau từ tháng 01 năm 1997, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Từ năm 1997

đến năm 2002 anh chị chung sống tại xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đến năm 2003 thì chuyển đến sinh sống tại thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống với nhau giữa hai người thường cãi vã, chửi mắng nhau bất đồng về quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2016 đến nay anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Tại Văn bản số 199/CV-UBND, ngày 02/12/2020 của UBND xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và Văn bản số 141/CV-UBND ngày 31/12/2020 của UBND xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn đều khẳng định tại UBND xã Y và UBND xã Q không có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Ma Thị C và anh Ma Văn H.

Như vậy, Chị Ma Thị C và anh Ma Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị C yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và anh H cũng nhất trí do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Ma Thị C.

3]. Về con chung: Chị C và anh H có hai con chung là Ma Thị Thúy K, sinh ngày 28/3/1997 và Ma Thị Thúy V, sinh ngày 26/6/2001. Các con đều khỏe mạnh phát triển bình thường và đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị C và anh H không có tài sản chung và vay nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Ma Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và những người tham gia tố tụng và không có yêu cầu, kiến nghị gì về tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của chị C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị C.

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ma Thị C và anh Ma Văn H.

- Về con chung: Chị Ma Thị C và anh Ma Văn H có hai con chung là Ma Thị Thúy K, sinh ngày 28/3/1997 và Ma Thị Thúy V, sinh ngày 26/6/2001. Các con đều khỏe mạnh phát triển bình thường và đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ma Thị C và anh Ma Văn H không có tài sản chung và vay nợ chung nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Ma Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08762 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện B; 2
- TAND tỉnh; 1
- THADS B; 1
- Các đương sự; 2
- UBND xã Q; 1
- Hồ sơ vụ án; 1
- Lưu. 1

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Thúy